CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

FireAnt

CTCP Everpia

Ngày 31/03/2025	10,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.9%	**2.4%**	**-5.3%**

DT thuần *Q1/25*
143 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼54.0| -27.3%
YoY: ▼24.0| -14.2%

LN thuần *Q1/25*
1.27 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼5.30| -80.7%
YoY: ▼1.20| -48.7%

LN sau thuế *Q1/25*
1.09 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼5.35| -83.1%
YoY: ▼0.55| -33.5%

Tỷ suất lãi EBIT *Q1/25*
3.2%
YoY: +/-▼ 1.5%

ROE (TTM) *Q1/25*
-3.3%
YoY: +/-▼ 0.0%

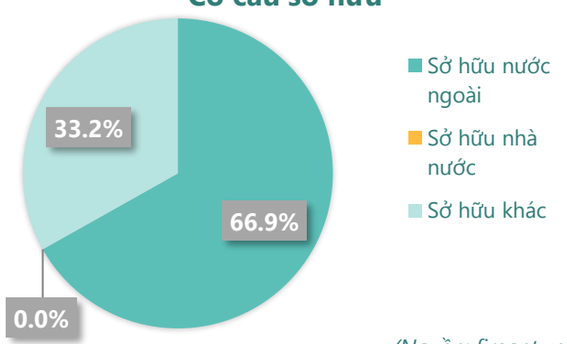
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,050 - 14,650
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	449
Số lượng CPLH (CP)	41,979,773
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,740
Sở hữu nước ngoài	66.9%
Beta	
EPS	-761
P/E	-14.1

DT thuần *2024*
741 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼46.0| -5.8%

LN thuần *2024*
-26.3 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼43.8| -250%

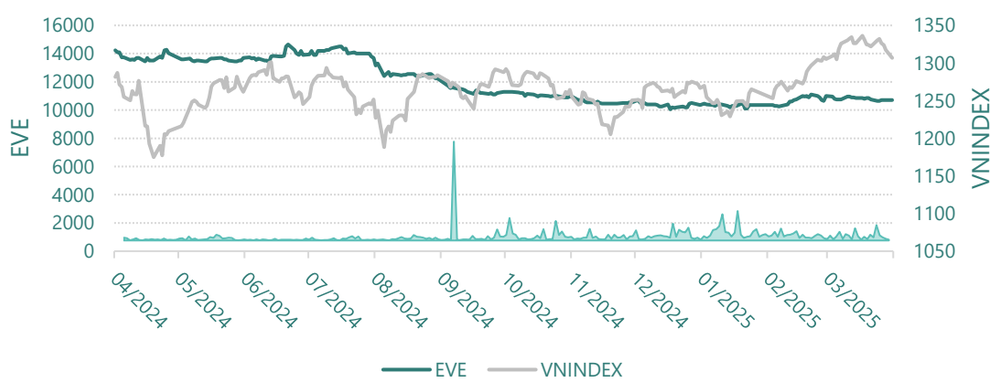
LN sau thuế *2024*
-29.1 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼47.7| -256%

Cơ cấu sở hữu

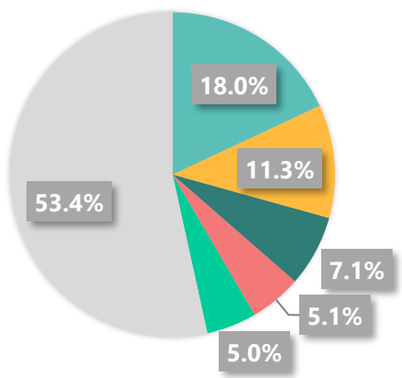


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

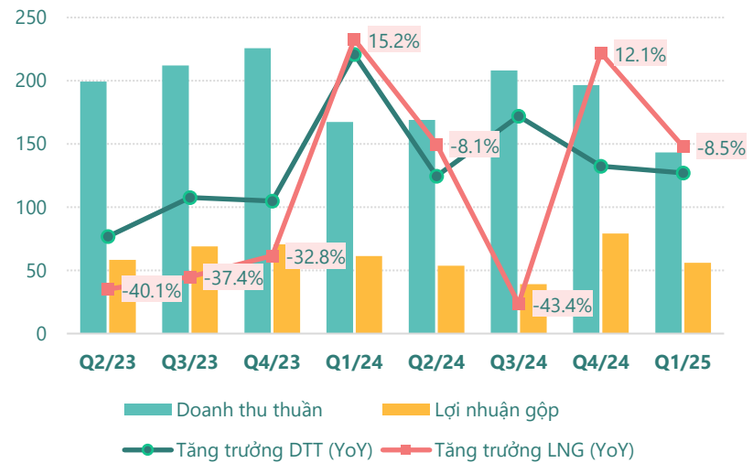


- Lee Jae Eun (Tổng giám đốc)
- AFC VF Ltd
- NH Investment & Securities Co., Ltd
- Korea Investment & Securities Co., Ltd
- America LLC
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

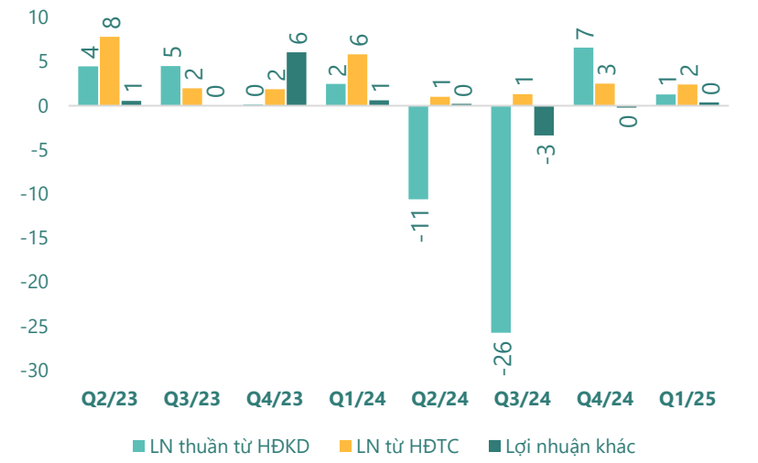
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



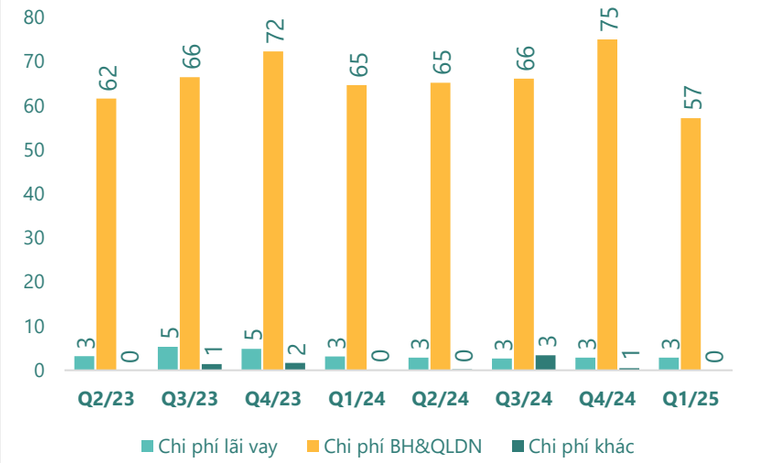
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



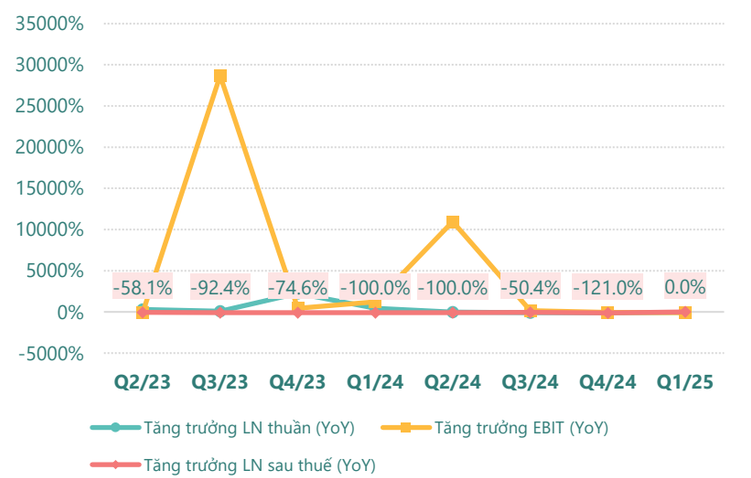
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



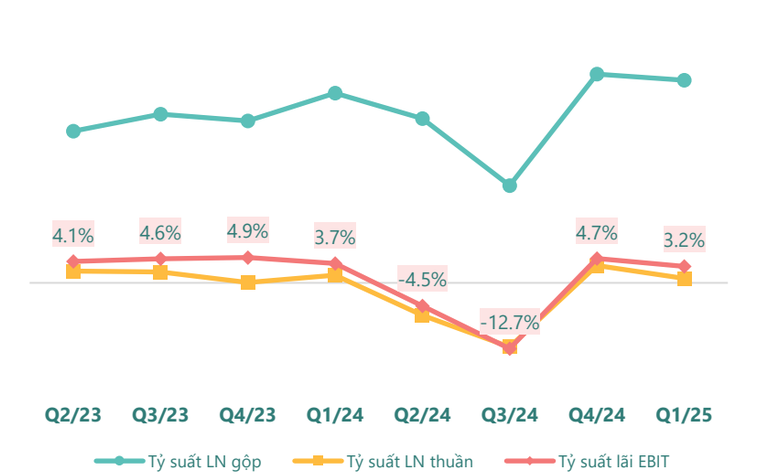
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



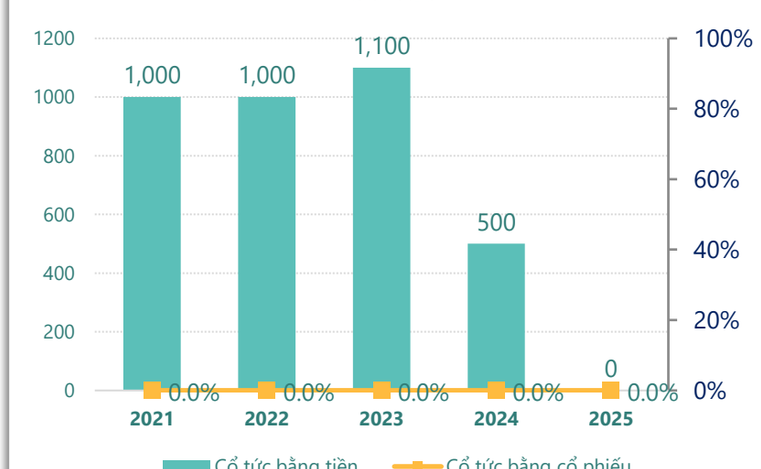
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

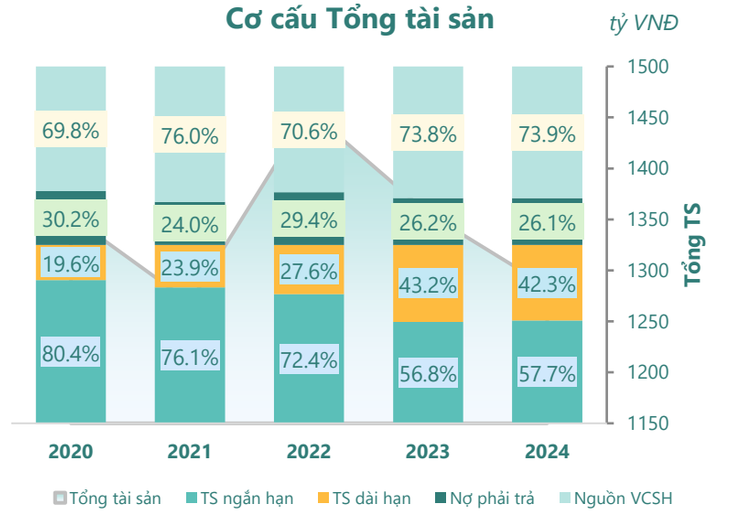
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

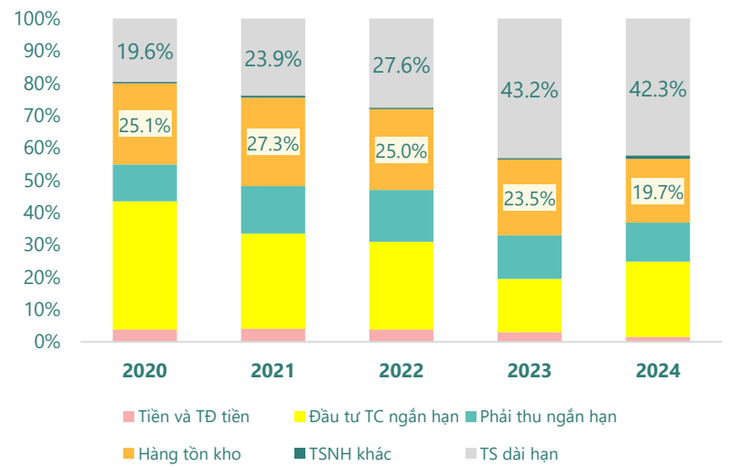
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



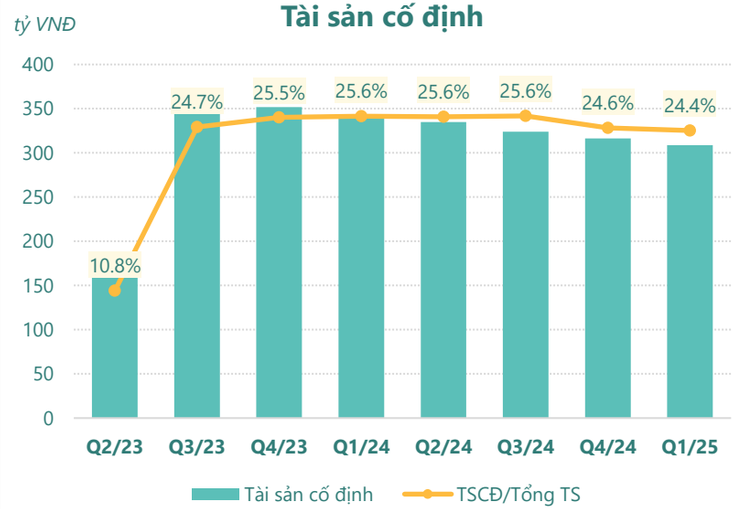
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



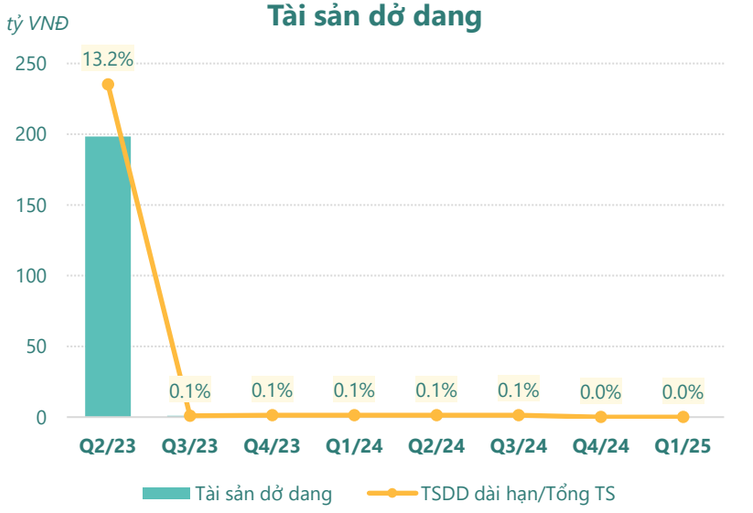
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



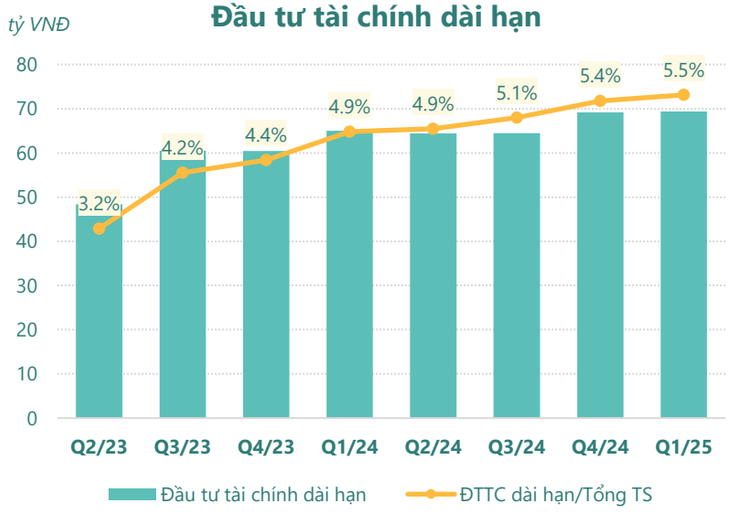
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



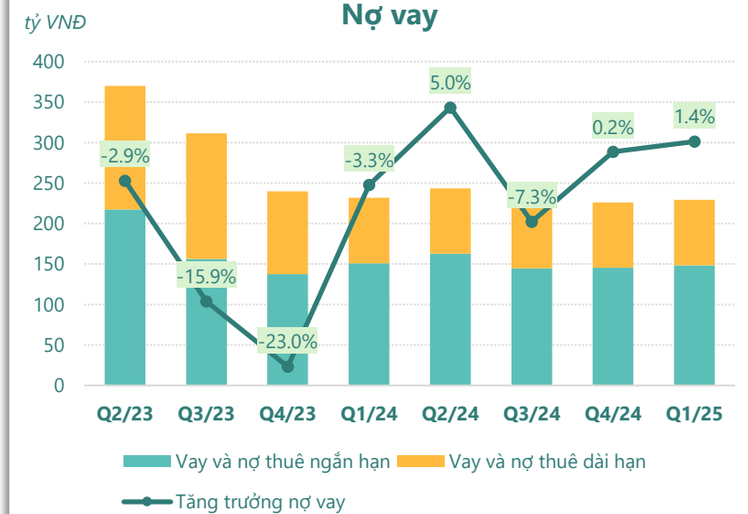
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

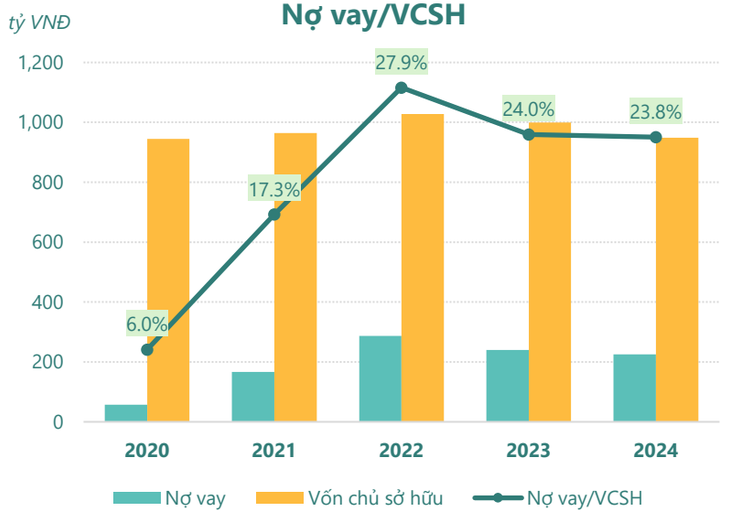
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

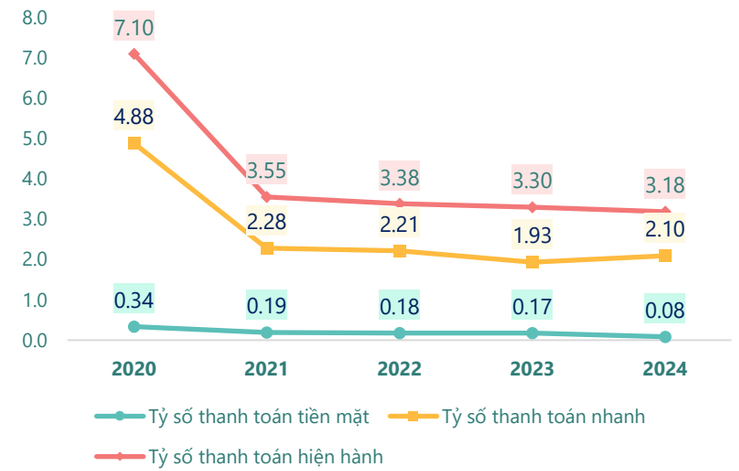
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



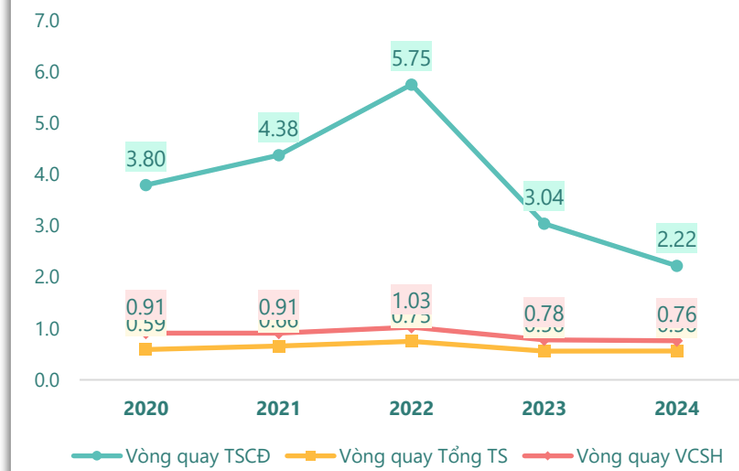
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



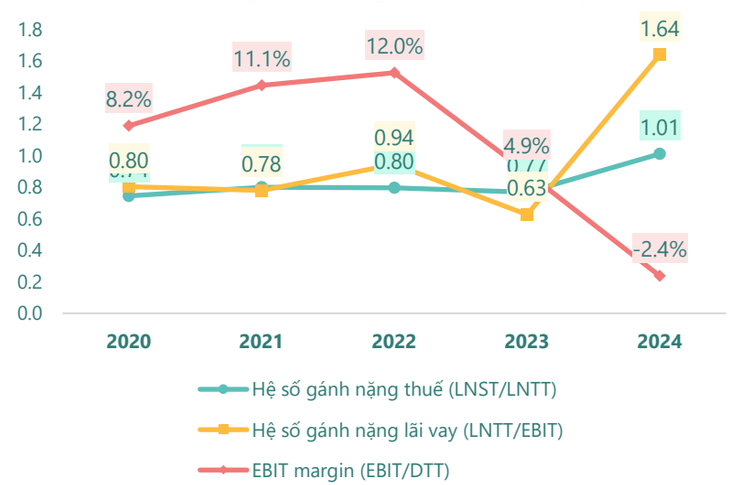
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



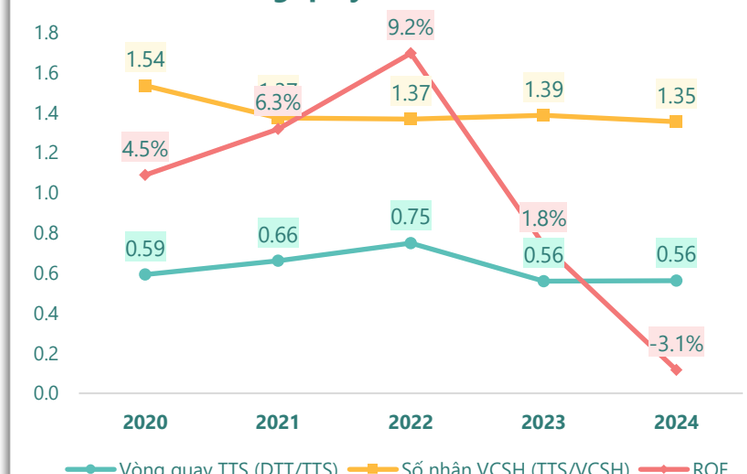
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



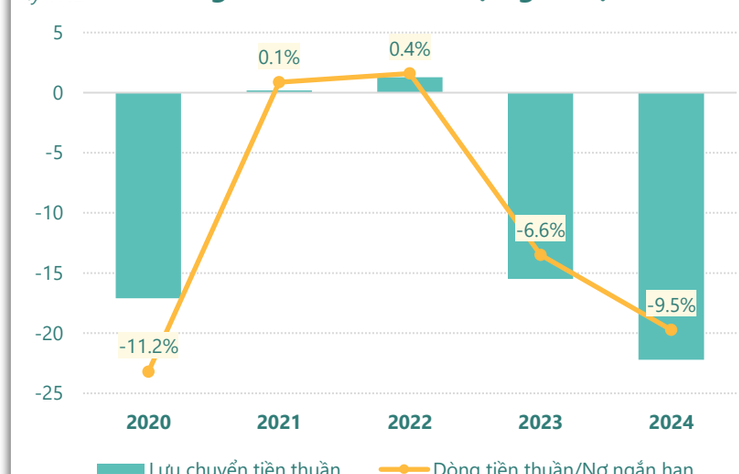
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**143**	**167**	**-14.2%**	**741**	**787**	**-5.8%**
Giá vốn hàng bán	87.2	106	-17.7%	508	536	-5.2%
Lợi nhuận gộp	56.0	61.3	-8.6%	233	251	-7.2%
Doanh thu HĐTC	6.70	9.34	-28.2%	27.9	49.4	-43.6%
Chi phí TC	4.31	3.51	22.9%	16.2	22.6	-28.3%
Chi phí lãi vay	2.87	3.14	-8.7%	11.2	14.5	-22.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	35.8	40.1	-10.7%	176	167	5.2%
Chi phí QLDN	**21.4**	**24.5**	**-12.8%**	**94.9**	**93.0**	**2.1%**
LN thuần từ HĐKD	1.27	2.47	-48.7%	-26.3	17.5	-250%
Lợi nhuận khác	**0.39**	**0.63**	**-38.2%**	**-2.51**	**6.75**	**-137%**
LN trước thuế	1.66	3.09	-46.4%	-28.8	24.2	-219%
Lợi nhuận sau thuế	**1.09**	**1.64**	**-33.5%**	**-29.1**	**18.6**	**-256%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.72**	**1.11**	**-35.1%**	**-30.2**	**17.8**	**-269%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	64.6	29.2	-11.6	0.01	30.1	10.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.83	-23.2	21.9	14.8	-48.9	-9.96
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-71.5	-8.20	-9.25	-17.9	0.54	3.84
Tiền đầu kỳ	57.6	40.9	40.6	40.8	38.3	19.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.05**	**-2.21**	**1.07**	**-3.01**	**-18.3**	**4.52**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.21	1.93	-0.86	0.49	-0.35	1.15
Tiền cuối kỳ	53.8	40.6	40.8	38.3	19.6	25.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,265**	**1,284**	**-1.5%**
Tài sản ngắn hạn	727	741	-1.8%
Tiền và tương đương tiền	25.2	19.5	29.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	316	299	5.7%
Phải thu ngắn hạn	111	155	-28.4%
Hàng tồn kho	260	253	2.8%
Tài sản ngắn hạn khác	14.8	14.2	4.2%
Tài sản dài hạn	**538**	**543**	**-1.0%**
Phải thu dài hạn	2.77	2.86	-3.2%
Tài sản cố định	309	315	-2.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	69.4	64.6	7.4%
Tài sản dài hạn khác	**157**	**161**	**-2.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	316	336	-6.0%
Nợ ngắn hạn	**214**	**233**	**-8.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	148	145	2.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	31.2	42.7	-26.9%
Nợ dài hạn	102	103	-1.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	80.8	80.8	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**950**	**948**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**950**	**948**	**0.1%**
Vốn điều lệ	420	420	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)